

Bản án số: 199/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 20/7/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Uyển Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2026/TLST – HN&GD ngày 15 tháng 4 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST – HN&GD ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2026/QĐ – HN&GD ngày 25 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1971. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ.

2. **Bị đơn:** Bà **Phạm Thị Ngọc P1**, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn Nguyễn Hồng P trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng và được cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 1995, sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn càng trầm trọng không thể hàn gắn bị đơn đã bỏ nhà đi 02 năm, nguyên đơn và bị đơn không tiếp tục chung sống nên đã ly thân hơn 2 năm. Do không hàn gắn được nữa nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thu T, nữ, sinh ngày 01/01/1996 và Nguyễn Thanh H, nam, sinh ngày 06/7/2000. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Thị Ngọc P1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không cung cấp ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Hồng P nộp đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn Phạm Thị Ngọc P1. Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ. Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Phạm Thị Ngọc P1.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Nguyễn Hồng P và bị đơn Phạm Thị Ngọc P1 chung sống như vợ chồng, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mặc dù được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không tìm được tiếng nói chung, nguyên đơn và bị đơn không chăm lo, quan tâm đến nhau và từ đó vợ chồng cũng ly thân nhau hơn 02 năm cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét thấy, hôn nhân của các đương sự đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên đơn Nguyễn Hồng P yêu cầu ly hôn với bị đơn Phạm Thị Ngọc P1 là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày có 02 con chung là Nguyễn Thu T, nữ, sinh ngày 01/01/1996 và Nguyễn Thanh H, nam, sinh ngày 06/7/2000. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn Nguyễn Hồng P được ly hôn với bị đơn Phạm Thị Ngọc P1.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thu T, nữ, sinh ngày 01/01/1996 và Nguyễn Thanh H, nam, sinh ngày 06/7/2000. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[4] Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007156 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

[6] Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án dân sự theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND Tp Cần Thơ;
- VKSND KV 14-Cần Thơ;
- THADS Tp Cần Thơ;
- UBND xã Phú Hữu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Quốc Việt